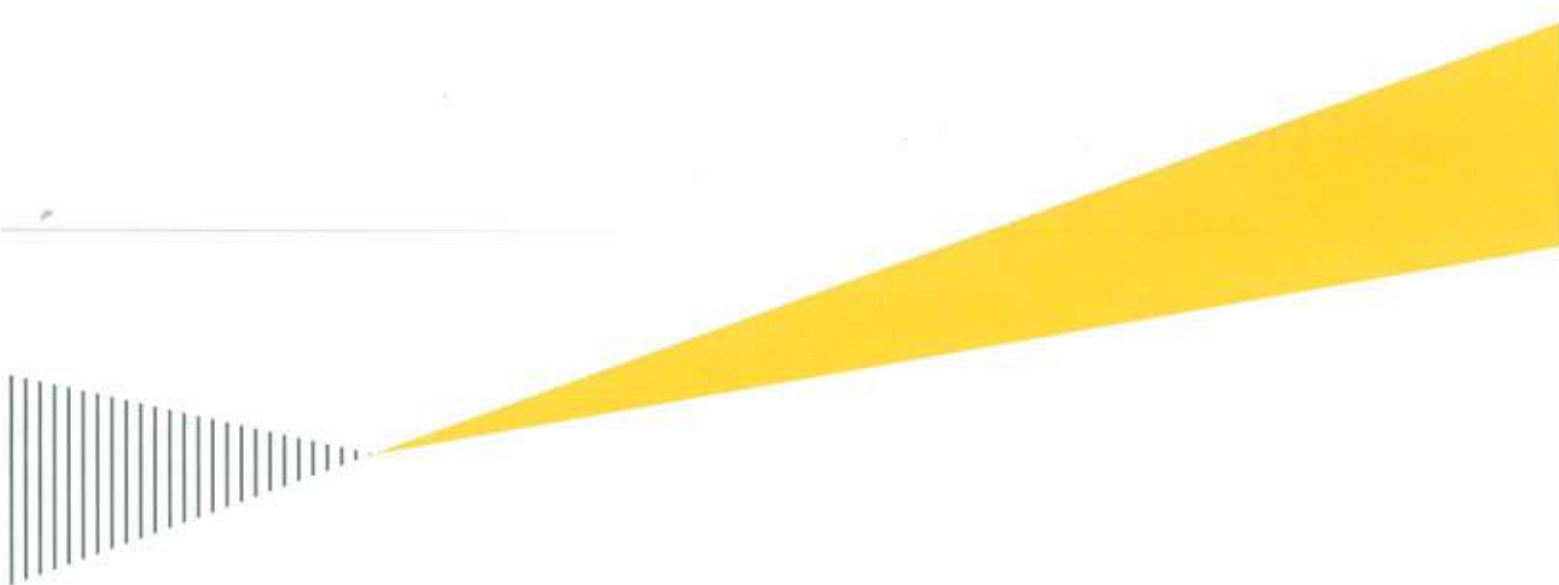


## **Công ty Cổ phần Vinafco**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Building a better  
working world

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 52

# Công ty Cổ phần Vinafco

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinafco ("Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Vận tải Trung ương – một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2339A/TCCB ngày 16 tháng 12 năm 1987 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 211/2001/QĐ/BGTVT ngày 18 tháng 1 năm 2001 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty cũng được cấp các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là kinh doanh các dịch vụ vận tải đa phương thức bao gồm đường bộ, đường thủy và đường biển trong nước; cung cấp dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi; đại lý vận tải hàng hóa và các ngành nghề khác theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 6, Tòa nhà AVS, Số 14 Trương Quyền, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Bá Thăng Long	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Huỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Takashi Kajiwara	Thành viên
Ông Takeshi Osumi	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đức Lợi	Trưởng Ban
Ông Dương Đình Khởi	Thành viên
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Thuận	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Giang, Tổng Giám đốc. Bà Nguyễn Thị Minh Thuận, Phó Tổng Giám đốc, được Ông Nguyễn Hoàng Giang ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 8 năm 2016

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vinafco

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phó Tổng Giám đốc  
Nguyễn Thị Minh Thuần

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Số tham chiếu: 60923724/18766558-HN/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vinafco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafco ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Building a better  
working world

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 27 tháng 8 năm 2015. Ngoài ra, công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>422.204.058.735</b>	<b>443.900.017.998</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>51.465.556.279</b>	<b>91.466.408.824</b>
111	1. Tiền		45.965.556.279	58.846.450.102
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	32.619.958.722
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	22.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>319.419.677.646</b>	<b>311.366.515.444</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	261.338.767.330	268.321.635.482
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	6.171.197.160	7.795.430.367
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	17.821.750.000	13.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	44.825.081.837	32.440.757.401
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 8	(10.737.118.681)	(10.491.307.806)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>12.423.613.683</b>	<b>28.536.124.267</b>
141	1. Hàng tồn kho		12.423.613.683	28.536.124.267
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.895.211.127</b>	<b>12.530.969.463</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.832.608.968	3.232.481.894
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	11.031.720.821	7.145.341.246
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.030.881.338	2.153.146.323



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>482.884.647.653</b>	<b>383.765.634.718</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.674.827.914</b>	<b>3.435.827.914</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		1.232.233.000	1.736.233.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	8.442.594.914	1.699.594.914
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>249.496.160.661</b>	<b>249.008.659.646</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	166.196.625.328	160.835.649.577
222	Nguyên giá		325.021.565.896	313.346.869.459
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(158.824.940.568)	(152.511.219.882)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	39.565.675.813	43.936.610.629
225	Nguyên giá		61.193.085.134	61.193.085.134
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.627.409.321)	(17.256.474.505)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	43.733.859.520	44.236.399.440
228	Nguyên giá		55.318.093.879	55.138.093.879
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.584.234.359)	(10.901.694.439)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>143.213.220.743</b>	<b>60.478.914.105</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	143.213.220.743	60.478.914.105
<b>250</b>	<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>10.642.468.314</b>	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	14	10.642.468.314	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>69.857.970.021</b>	<b>70.842.233.053</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	69.673.879.631	70.658.142.663
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	184.090.390	184.090.390
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>905.088.706.388</b>	<b>827.665.652.716</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>416.614.638.098</b>	<b>334.652.676.233</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>296.393.643.148</b>	<b>262.917.705.696</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	153.054.932.470	144.460.911.994
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		52.792.503	297.603.175
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.953.694.967	4.024.967.934
314	4. Phải trả người lao động		6.748.922.442	11.587.877.399
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.983.101.859	924.714.123
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		883.137.625	758.549.742
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	61.059.876.969	44.383.802.631
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	63.969.201.038	56.270.845.423
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.687.983.275	208.433.275
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>120.220.994.950</b>	<b>71.734.970.537</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		3.641.660.760	6.177.730.360
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	114.335.294.960	63.372.268.563
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		2.244.039.230	2.184.971.614
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>488.474.068.290</b>	<b>493.012.976.483</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>488.474.068.290</b>	<b>493.012.976.483</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		340.000.000.000	340.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		340.000.000.000	340.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		46.945.728.950	46.945.728.950
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		8.197.444.920	8.197.444.920
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.729.495.242)	(1.729.495.242)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		11.293.586.504	11.293.586.504
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.944.983.714	3.351.405.177
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.732.813.451	49.115.297.929
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		46.043.163.714	34.753.419.610
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9.689.649.737	14.361.878.319
429	8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		24.089.005.993	35.839.008.245
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>905.088.706.388</b>	<b>827.665.652.716</b>



Người lập  
Phạm Thị Khái



Kế toán trưởng  
Lê Thị Minh Phương



Phó Tổng Giám đốc  
Nguyễn Thị Minh Thuận

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	514.906.904.531	600.887.260.917
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(31.501.818)	(284.904.545)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	514.875.402.713	600.602.356.372
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(478.062.402.039)	(560.289.707.724)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.813.000.674	40.312.648.648
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.682.215.804	712.981.438
22	7. Chi phí tài chính	25	(3.964.373.244)	(2.417.817.130)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.931.398.451)	(3.315.536.905)
24	8. Phản lỗ trong công ty liên doanh	14	(335.531.686)	-
25	9. Chi phí bán hàng		(213.375.339)	(211.010.381)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(24.779.779.140)	(20.166.937.045)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.202.157.069	18.229.865.530
31	12. Thu nhập khác	27	4.810.007.588	4.656.754.875
32	13. Chi phí khác	27	(1.598.176.746)	(6.614.003.827)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	27	3.211.830.842	(1.957.248.952)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.413.987.911	16.272.616.578
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(3.845.896.104)	(4.366.685.223)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	-	(103.311.331)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.568.091.807	11.802.620.024
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		9.689.649.737	5.993.795.095
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	2.878.442.070	5.808.824.929

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	287	147
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	287	147



Người lập  
Phạm Thị Khái



Kế toán trưởng  
Lê Thị Minh Phương



Phó Tổng Giám đốc  
Nguyễn Thị Minh Thuận

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>16.413.987.911</b>	<b>16.272.616.578</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	28	17.717.574.753	16.571.321.721
03	Tăng/(giảm) các khoản dự phòng		368.792.150	(1.118.927.900)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.259.884.525)	(1.005.024.606)
06	Chi phí lãi vay	25	3.931.398.451	3.315.536.905
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>32.171.868.740</b>	<b>34.035.522.698</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(9.558.890.544)	(21.798.852.158)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		16.112.510.584	(17.186.519.134)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.629.320.592)	43.072.824.545
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.534.709.928)	2.505.854.814
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.961.241.634)	(3.314.690.534)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.2	(2.698.552.606)	(11.886.663.898)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(254.363.660)	(461.686.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>28.647.300.360</b>	<b>24.965.790.333</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(83.505.110.776)	(3.637.018.828)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		948.454.547	389.090.912
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.000.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.978.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		912.223.512	628.414.856
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(114.622.432.717)</b>	<b>(2.619.513.060)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		153.052.535.629	39.690.366.879
34	Tiền trả nợ gốc vay		(98.454.416.223)	(41.459.200.667)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(4.656.737.394)	(3.752.924.765)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.967.102.200)	(14.664.250)
	Trong đó:			
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		(47.102.200)	(14.664.250)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số		(3.920.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		45.974.279.812	(5.536.422.803)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(40.000.852.545)	16.809.854.470
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		91.466.408.824	52.507.089.010
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	51.465.556.279	69.316.943.480

Người lập  
Phạm Thị Khái

Kế toán trưởng  
Lê Thị Minh Phương

Phó Tổng Giám đốc  
Nguyễn Thị Minh Thuận

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vinafco ("Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Vận tải Trung ương – một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2339A/TCCB ngày 16 tháng 12 năm 1987 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 211/2001/QĐ/BGTVT ngày 18 tháng 1 năm 2001 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty cũng được cấp các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là kinh doanh các dịch vụ vận tải đa phương thức bao gồm đường bộ, đường thủy và đường biển trong nước; cung cấp dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi; đại lý vận tải hàng hóa và các ngành nghề khác theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 6, Tòa nhà AVS, Số 14 Trương Quyền, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 525 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 496 người).

### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco	66,2%	66,2%	Số 33C, Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
2	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco	100%	100%	Trụ sở chính đặt tại 33C, Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Văn phòng giao dịch đặt tại số 936 Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa.
3	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco	100%	100%	Trụ sở chính đặt tại số 33C, Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Văn phòng giao dịch đặt tại số 936 Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ; dịch vụ hải quan và nhập khẩu ủy thác.
4	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ (i)	94,74%	94,74%	Số 2/254 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.
5	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng	100%	100%	Đường số 2, Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

*Cơ cấu tổ chức* (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
6	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương	100%	100%	Lô N, Đường số 26, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.
7	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang	100%	100%	Cụm công nghiệp tập trung Đông Phú – giai đoạn 1, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ.
8	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung (ii)	51%	51%	Thôn Cương Trung C, Xã Tiến Hóa, Huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ và dịch vụ hải quan và xuất nhập khẩu ủy thác.

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ chưa bắt đầu hoạt động thương mại.

(ii) Công ty Vận tải và Dịch vụ Vinafco (công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn) nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Thanh Trì đã thực hiện bàn giao toàn bộ tài sản, công nợ và vốn về Công ty dựa trên chủ trương giải thể được Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua vào ngày 5 tháng 10 năm 2015. Sau đó, vào ngày 4 tháng 7 năm 2016, Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Thanh Trì đã có thông báo hoàn tất thủ tục giải thể với cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tập đoàn là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty (công ty mẹ) và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa công ty mẹ và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	---

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)*

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### **3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê (tiếp theo)*

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 48 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo ba hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh; Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Thành phố Đà Nẵng; và Khu Công nghiệp Sóng Thần, Tỉnh Bình Dương. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên doanh*

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn/Nhóm Công được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi hợp nhất cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh*

Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở các bên tham gia liên doanh ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng là tài sản trên báo cáo tài chính của mình và mỗi bên tham gia liên doanh ghi nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

- ▶ Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- ▶ Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- ▶ Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- ▶ Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- ▶ Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") theo hình thức chia lợi nhuận cố định (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng) trong đó Công ty kiểm soát hoạt động hợp tác kinh doanh, được hạch toán theo phương pháp thuê tài sản như sau:

- ▶ Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ Ghi nhận toàn bộ giá trị tài sản và công nợ hình thành từ hoạt động của BCC trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	797.105.369	903.238.995
Tiền gửi ngân hàng	45.168.450.910	57.943.211.107
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	32.619.958.722
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.465.556.279</b>	<b>91.466.408.824</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn sáu tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,5% đến 6,7%/năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu ngắn hạn từ các bên khác	166.148.807.112	173.740.431.620
<i>Trong đó:</i>		
- Tổng Công ty Miền Trung	34.640.026.645	17.788.265.271
- Công ty TNHH Sơn Akzonobel Việt Nam	10.410.884.820	11.121.018.772
- Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	8.301.309.361	16.240.046.705
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Việt Nam	7.808.544.766	9.767.250.694
- Các khoản phải thu khách hàng khác	104.988.041.520	118.823.850.178
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	95.189.960.218	94.581.203.862
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>261.338.767.330</b>	<b>268.321.635.482</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.147.983.080)	(4.902.172.205)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công ty TNHH Văn Trung	3.671.562.400	-
Công ty Phát triển Hạ tầng khu CN Hậu Giang	-	3.660.664.417
Công ty TNHH Thép B.M.B	-	2.200.000.000
Các khoản trả trước khác	2.499.634.760	1.934.765.950
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.171.197.160</b>	<b>7.795.430.367</b>
Dự phòng trả trước khó đòi	(221.065.000)	(221.065.000)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Đây là các khoản cho cá nhân (là đối tác góp vốn trong Công ty TNHH Vinafco Đình Vũ, công ty con của Công ty) vay. Khoản cho vay này không có tài sản bảo đảm, đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2016 và hưởng lãi suất tương ứng với lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm của một ngân hàng thương mại.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu cước vận chuyển, thuê kho	18.151.579.177	7.416.215.838
Tạm ứng cho nhân viên	9.640.115.458	12.231.784.952
Đặt cọc, ký quỹ	6.989.826.200	3.722.826.200
Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu Thủy Hải Dương (*)	4.043.034.549	4.043.034.549
Phải thu bồi thường thiệt hại hàng trong quá trình vận chuyển của nhà thầu phụ (**)	2.494.379.200	2.494.379.200
Phải thu tạm ứng giải phóng mặt bằng cho BQL Cụm Công nghiệp Quất Động (*)	464.958.000	464.958.000
Phải thu lãi tiền gửi	291.436.111	75.447.956
Phải thu khác	2.749.753.142	1.992.110.706
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.825.081.837</b>	<b>32.440.757.401</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	8.442.594.914	1.699.594.914
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.442.594.914</b>	<b>1.699.594.914</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(5.368.070.601)	(5.368.070.601)

(\*) Công ty đã trích lập dự phòng 100% với các số dư phải thu này.

(\*\*) Đây là khoản phải thu bồi thường thiệt hại hàng trong quá trình vận tải do lỗi của nhà thầu phụ. Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán tiền bồi thường thiệt hại hàng này cho khách hàng khi nhận được số tiền bồi thường tương ứng từ nhà thầu phụ.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nhiên liệu và vật liệu	4.842.518.630	-	6.440.631.237	-
Công cụ, dụng cụ	5.696.365.822	-	5.647.209.517	-
Hàng hóa bất động sản (*)	1.884.729.231	-	16.448.283.513	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.423.613.683</b>	<b>-</b>	<b>28.536.124.267</b>	<b>-</b>

(\*) Hàng hóa bất động sản là các căn hộ chung cư dự kiến để bán trong ngắn hạn. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một số căn hộ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	107.311.314.234	28.976.647.103	174.656.601.608	2.402.306.514	313.346.869.459
- Mua trong kỳ	10.650.400	235.702.636	5.919.345.546	-	6.165.698.582
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	872.379.546	-	872.379.546
- Tăng khác (*)	-	-	10.145.424.247	-	10.145.424.247
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.268.403.992)	(4.240.401.946)	-	(5.508.805.938)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	107.321.964.634	27.943.945.747	187.353.349.001	2.402.306.514	325.021.565.896
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	1.261.992.475	19.596.824.105	1.196.561.059	22.055.377.639
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	35.415.263.828	18.767.646.399	96.841.086.312	1.487.223.343	152.511.219.882
- Khấu hao trong kỳ	2.726.955.748	1.331.806.484	7.557.134.087	129.357.812	11.745.254.131
- Tăng khác (*)	-	-	77.272.493	-	77.272.493
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.268.403.992)	(4.240.401.946)	-	(5.508.805.938)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	38.142.219.576	18.831.048.891	100.235.090.946	1.616.581.155	158.824.940.568
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	71.896.050.406	10.209.000.704	77.815.515.296	915.083.171	160.835.649.577
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	69.179.745.058	9.112.896.856	87.118.258.055	785.725.359	166.196.625.328

(\*) Đây là giá trị tài sản tăng từ việc sửa đổi hợp đồng hợp tác kinh doanh (về đầu tư phương tiện vận tải) từ hình thức chia lợi nhuận thực tế theo tỷ lệ góp vốn của các bên sang hình thức chia lợi nhuận cố định với hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh số 19).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 20.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

*Phương tiện  
vận tải*

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>61.193.085.134</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>61.193.085.134</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.256.474.505
Khấu hao trong kỳ	<u>4.370.934.816</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>21.627.409.321</u>

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>43.936.610.629</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>39.565.675.813</u>

Tài sản cố định thuê tài chính – phương tiện vận tải bao gồm:

- Một số container mà Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco, công ty con của Công ty, thuê theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Seacube Containers LLC. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 84 tháng với lãi suất biến động được điều chỉnh hàng tháng do bên cho thuê thông báo. Cũng theo hợp đồng thuê tài chính này, Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco có thể mua lại các tài sản này khi thời gian thuê hết hạn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị còn lại của các container này là 36.803.229.192 VND.
- Một số xe nâng mà Công ty thuê theo hợp đồng thuê tài chính số 148/2011/TSC-CTTC ngày 3 tháng 10 năm 2011 và phụ lục bổ sung số 02 ngày 28 tháng 7 năm 2012 với Công ty cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Bên cho thuê"). Thời hạn thuê theo hợp đồng là 60 tháng với lãi suất biến động được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần do Bên cho thuê thông báo. Cũng theo hợp đồng thuê tài chính này, Công ty có thể mua lại các tài sản này khi thời gian thuê hết hạn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị còn lại của các xe nâng này là 2.762.446.621 VND.

Các tài sản thuê tài chính cũng được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	47.638.971.227	7.499.122.652	55.138.093.879
Mua trong kỳ	-	180.000.000	180.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>47.638.971.227</u>	<u>7.679.122.652</u>	<u>55.318.093.879</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	192.000.000	192.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.923.221.521	4.978.472.918	10.901.694.439
Hao mòn trong kỳ	491.479.684	191.060.236	682.539.920
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>6.414.701.205</u>	<u>5.169.533.154</u>	<u>11.584.234.359</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>41.715.749.706</u>	<u>2.520.649.734</u>	<u>44.236.399.440</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>41.224.270.022</u>	<u>2.509.589.498</u>	<u>43.733.859.520</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 20.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án kho Hậu Giang	105.389.743.447	43.917.460.005
Dự án Kho Thanh Trì Giai đoạn II	20.723.394.081	4.365.998.103
Dự án Trung tâm Tiếp vận Trâu Quỳ	15.563.457.996	11.130.798.806
Dự án khác	1.536.625.219	1.064.657.191
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>143.213.220.743</u></b>	<b><u>60.478.914.105</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco	49,9%	-

Công ty TNHH Logistics HTNS - VINAFCO là một công ty liên doanh được thành lập theo Hợp đồng liên doanh ký vào tháng 11 năm 2015 giữa Công ty TNHH HANARO TNS Việt Nam và Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300933480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 16 tháng 3 năm 2016. Công ty liên doanh này có trụ sở chính tại Lô CN3, Khu công nghiệp Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính được đăng ký của công ty liên doanh này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công ty liên doanh này chưa bắt đầu hoạt động thương mại.

Trong kỳ, Công ty đã góp đủ vốn vào công ty liên doanh này. Ngoài ra, theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh, số vốn góp này không thể chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ thời điểm góp vốn.

**Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh này như sau:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Công ty TNHH Logistics HTNS – Vinafco</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Góp vốn	<u>10.978.000.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>10.978.000.000</u>
<b>Phần lỗ lũy kế sau khi thành lập công ty liên doanh:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Phần lỗ từ công ty liên doanh trong kỳ	<u>(335.531.686)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(335.531.686)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>10.642.468.314</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	841.083.395	327.663.502
Phí bảo hiểm	1.401.229.580	354.142.919
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.590.295.993	2.550.675.473
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.832.608.968</b>	<b>3.232.481.894</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất trả trước (*)	62.769.319.368	63.969.814.775
Chi phí sửa chữa, bảo trì	5.218.485.858	5.011.869.694
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.182.534.234	817.512.429
Chi phí trả trước dài hạn khác	503.540.171	858.945.765
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.673.879.631</b>	<b>70.658.142.663</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, một số chi phí thuê đất trả trước (có đi kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 20.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Cổ phần Logistics Trung Bộ	11.562.940.564	11.562.940.564	3.976.448.814	3.976.448.814
Công ty TNHH Việt Ship Quảng Bình	8.820.399.272	8.820.399.272	8.820.399.272	8.820.399.272
Công ty Cổ phần Tân Cảng	6.533.870.330	6.533.870.330	3.071.265.190	3.071.265.190
Phải trả đối tượng khác	126.137.722.304	126.137.722.304	128.592.798.718	128.592.798.718
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153.054.932.470</b>	<b>153.054.932.470</b>	<b>144.460.911.994</b>	<b>144.460.911.994</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	7.378.610.808	42.111.410.371	(38.225.030.796)	11.264.990.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.2)	1.919.876.761	-	(1.122.264.985)	797.611.776
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.298.487.569</b>	<b>42.111.410.371</b>	<b>(39.347.295.781)</b>	<b>12.062.602.159</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	560.337.913	6.462.703.193	(6.724.400.715)	298.640.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.2)	1.816.379.605	2.723.631.119	(2.698.552.606)	1.841.458.118
Thuế thu nhập cá nhân	1.325.897.550	2.312.939.422	(3.345.156.057)	293.680.915
Các loại thuế khác	322.352.866	1.498.382.999	(1.300.820.322)	519.915.543
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.024.967.934</b>	<b>12.997.656.733</b>	<b>(14.068.929.700)</b>	<b>2.953.694.967</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	42.283.100	72.126.283
Chi phí vận chuyển phải trả	2.440.463.021	409.729.892
Trích trước chi phí lương tháng 13	1.211.702.100	-
Khác	288.653.638	442.857.948
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.983.101.859</b>	<b>924.714.123</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải trả cổ tức (*)	47.199.703.650	37.729.805.850
Phải trả về hợp tác kinh doanh (**)	4.348.273.175	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.081.988.300	1.442.900.000
Phải trả khách hàng về đền bù thiệt hại hàng trong quá trình vận tải do lỗi của nhà thầu phụ (***)	2.494.379.200	2.494.379.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.473.361.296	526.513.794
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.462.171.348	2.190.203.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>61.059.876.969</u></b>	<b><u>44.383.802.631</u></b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn còn phải trả cổ tức của các năm 2013, 2014 và 2015 với số tiền tương ứng là 723.938.950 VND, 36.958.764.700 VND và 9.517.000.000 VND. Liên quan đến số cổ tức năm 2014 phải trả của công ty mẹ, Công ty đã có Thông báo số 78 ngày 24 tháng 6 năm 2016 tới các cổ đông về việc gia hạn thanh toán số tiền cổ tức này tới ngày 30 tháng 9 năm 2016.

(\*\*) Đây là số dư phải trả các đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư phương tiện vận tải bao gồm vốn nhận góp hợp tác kinh doanh (VND 2.976.492.535) và lợi nhuận cố định (VND 1.371.780.640). Theo Phụ lục sửa đổi hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung (công ty con của Công ty) và các đối tác góp vốn hợp tác kinh doanh đã thống nhất chuyển đổi hợp đồng hợp tác kinh doanh từ hình thức phân chia lợi nhuận thực tế theo tỷ lệ góp vốn của các bên sang hình thức chi trả lợi nhuận cố định kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

(\*\*\*) Xem thêm tại Thuyết minh số 8.

Công ty Cổ phần Vinafco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)		Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng	20.1	35.865.262.588	92.699.035.272	(91.607.548.895)	36.956.748.965	36.956.748.965
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	20.2	11.092.108.047	13.017.462.479	(6.410.867.328)	17.698.703.198	17.698.703.198
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	20.3	9.313.474.788	4.657.011.481	(4.656.737.394)	9.313.748.875	9.313.748.875
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>56.270.845.423</b>	<b>110.373.509.232</b>	<b>(102.675.153.617)</b>	<b>63.969.201.038</b>	<b>63.969.201.038</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay ngân hàng	20.2	27.867.188.154	69.073.500.357	(13.453.462.479)	83.487.226.032	83.487.226.032
Nợ thuế tài chính dài hạn	20.3	35.505.080.409	-	(4.657.011.481)	30.848.068.928	30.848.068.928
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>63.372.268.563</b>	<b>69.073.500.357</b>	<b>(18.110.473.960)</b>	<b>114.335.294.960</b>	<b>114.335.294.960</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 1	34.772.655.836 VND	Kỳ hạn vay là 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 22 tháng 10 năm 2016	6%-6,2%	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với thửa đất số 1, đường số 2, khu Công nghiệp Hoà Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng của Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hoàn Kiếm	2.184.093.129	Khoản vay tất toán vào ngày 23 tháng 9 năm 2016	8,8%		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.956.748.965</b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Đơn vị tính: VND
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 1	16.235.666.714	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 120 tháng, lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng. Gốc được trả hàng quý. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 14 tháng 1 năm 2026	9,3%-10,9%	Quyền sử dụng đất khu A, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì (41.308 m <sup>2</sup> ) cùng các công trình gắn liền trên đất	
	11.098.708.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 60 tháng, lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng. Gốc được trả hàng quý. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 12 tháng 4 năm 2021	8%-9,2%	Các phương tiện vận tải được hình thành từ phương án vay vốn	
	11.772.000.000	Kỳ hạn vay là 60 tháng, lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng. Gốc được trả hàng quý. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 25 tháng 11 năm 2020	8%	Các phương tiện vận tải được hình thành từ phương án vay vốn	
<b>Trong đó:</b>	<b>39.106.374.714</b>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	6.970.902.209				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - PGD Trung Yên	1.257.750.000	Kỳ hạn vay là 60 tháng, lãi và gốc vay được trả vào ngày 23 các tháng 2, 5, 8, 11. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 23 tháng 8 năm 2019	10,60%	Giá trị tài sản trên đất của nhà kho Tiên Sơn 1 và Tiên Sơn 2	
<b>Trong đó:</b>	<b>1.257.750.000</b>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	193.500.000				



## Công ty Cổ phần Vinafco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo	Đơn vị tính: VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.762.680.375	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 48 tháng, lãi được trả vào ngày 26 hàng tháng. Gốc được trả hàng quý. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 9 tháng 9 năm 2018.	9,44%-12,78%	Các phương tiện vận tải được hình thành từ phương án vay vốn	
<b>Trong đó:</b>	<b>2.762.680.375</b>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	1.398.815.500				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.753.333.343	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 60 tháng, lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 7 tháng 2 năm 2019	11,35%-13,15%	Tàu biển Vinafco 26 của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco	
	10.014.545.465	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 60 tháng, lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 24 tháng 7 năm 2019	10,75%-11,35%	Tàu biển Vinafco 26 của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco	
<b>Trong đó:</b>	<b>14.767.878.808</b>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	5.595.454.547				

## Công ty Cổ phần Vinafco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Đơn vị tính: VND	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.248.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi lần nhận nợ là 60 tháng, gốc và lãi trả vào ngày 24 hàng tháng. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 31 tháng 5 năm 2021	8,05%	Các phương tiện vận tải được hình thành từ phương án vay vốn	
	42.043.245.333	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 120 tháng, gốc và lãi trả vào ngày 24 hàng tháng. Khoản gốc vay cuối cùng được trả vào ngày 24 tháng 8 năm 2026	8,4%	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1416, tờ bản đồ số 11 TĐH, KCN Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương (thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vinafco Bình Dương), bất động sản và nhà kho Hậu Giang	

**43.291.245.333**

Trong đó:

Nợ dài hạn đến hạn trả

3.540.030.942

**TỔNG CỘNG**

**101.185.929.230**

Trong đó:

Nợ dài hạn đến hạn trả

17.698.703.198



Công ty Cổ phần Vinafco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.3 Nợ thuế tài chính

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả</b>					
Từ 1 năm trở xuống	10.524.942.610	1.211.193.735	9.313.748.875	1.324.972.323	9.313.474.788
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Từ 1 - 5 năm	34.828.780.797	3.991.915.247	30.836.865.550	4.583.744.231	33.797.573.239
Trên 5 năm	11.408.272	204.894	11.203.378	7.235.340	1.707.507.170
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.365.131.679</b>	<b>5.203.313.876</b>	<b>40.161.817.803</b>	<b>5.915.951.894</b>	<b>44.818.555.197</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND	Vốn góp		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác (*)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015								
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>										
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	340.000.000.000	46.945.728.950	3.299.299.536	(1.729.495.242)	11.293.586.504	2.832.602.269	40.627.382.632	29.773.572.048	473.042.676.697	
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	5.993.795.095	5.808.824.929	11.802.620.024	
- Trích lập quỹ	-	-	4.898.145.384	-	-	518.802.908	(5.416.948.292)	-	-	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(457.014.730)	(74.465.270)	(531.480.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	340.000.000.000	46.945.728.950	8.197.444.920	(1.729.495.242)	11.293.586.504	3.351.405.177	40.747.214.705	35.507.931.707	484.313.816.721	
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016</b>										
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	340.000.000.000	46.945.728.950	8.197.444.920	(1.729.495.242)	11.293.586.504	3.351.405.177	49.115.297.929	35.839.008.245	493.012.976.483	
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	9.689.649.737	2.878.442.070	12.568.091.807	
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	593.578.537	(593.578.537)	-	-	
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.478.555.678)	(1.191.444.322)	(3.670.000.000)	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(13.437.000.000)	(13.437.000.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	340.000.000.000	46.945.728.950	8.197.444.920	(1.729.495.242)	11.293.586.504	3.944.983.714	55.732.813.451	24.089.005.993	488.474.068.290	

(\*) Đây là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập dựa trên điều lệ Công ty và đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Theo điều lệ của Công ty, phần trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty của năm trước và được trích cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

(\*\*) Bao gồm quỹ dự phòng để mua cổ phiếu quỹ của Công ty với số tiền là 1.729.495.242 VND và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco, một công ty con của công ty với số tiền là 2.215.488.472 VND. Việc lập và trích lập các quỹ này được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông của Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi tiết cổ phiếu của chủ sở hữu Công ty như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>
Vốn góp cổ đông	340.000.000.000	340.000.000.000	-	340.000.000.000	340.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	46.945.728.950	46.945.728.950	-	46.945.728.950	46.945.728.950	-
Vốn khác	8.197.444.920	8.197.444.920	-	8.197.444.920	8.197.444.920	-
Cổ phiếu quỹ	(1.729.495.242)	(1.729.495.242)	-	(1.729.495.242)	(1.729.495.242)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>393.413.678.628</b>	<b>393.413.678.628</b>	<b>-</b>	<b>393.413.678.628</b>	<b>393.413.678.628</b>	<b>-</b>

**21.3 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng tại</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	34.000.000	34.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>(198.938)</b>	<b>(198.938)</b>
Cổ phiếu phổ thông	(198.938)	(198.938)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>33.801.062</b>	<b>33.801.062</b>
Cổ phiếu phổ thông	33.801.062	33.801.062
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (Năm 2015: 10.000 VND).

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	8.808	19.306
- Euro (EUR)	59	81
- Bảng Anh (GBP)	100	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>514.906.904.531</b>	<b>600.887.260.917</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	502.602.140.895	600.887.260.917
Doanh thu chuyển nhượng căn hộ	12.304.763.636	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(31.501.818)</b>	<b>(284.904.545)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>514.875.402.713</b>	<b>600.602.356.372</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	511.957.999.805	595.778.738.320
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	2.917.402.908	4.823.618.052

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Lãi tiền gửi	1.128.211.667	642.897.318
Lãi cho vay (*)	4.521.750.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.254.137	70.084.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.682.215.804</b>	<b>712.981.438</b>

(\*) Đây là lãi từ khoản cho một cá nhân vay tín chấp được xác định theo Biên bản thanh lý hợp đồng vay ngày 31 tháng 1 năm 2016 giữa Công ty và cá nhân này.

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	463.327.058.472	560.289.707.724
Giá vốn căn hộ chuyển nhượng	14.735.343.567	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>478.062.402.039</b>	<b>560.289.707.724</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Chi phí lãi vay	3.931.398.451	3.315.536.905
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(990.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.682.520	287.769
Chi phí tài chính khác	24.292.273	91.992.456
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.964.373.244</u></b>	<b><u>2.417.817.130</u></b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	15.246.305.837	13.255.834.838
Chi phí công cụ, dụng cụ	725.143.084	784.803.778
Chi phí khấu hao và hao mòn	604.809.258	617.632.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.644.389.969	4.405.561.950
Chi phí quản lý khác	2.559.130.992	1.103.104.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.779.779.140</u></b>	<b><u>20.166.937.045</u></b>

**27. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.810.007.588</b>	<b>4.656.754.875</b>
Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản trên đất	3.181.818.182	-
Lãi từ thanh lý tài sản	945.454.547	399.090.912
Tiền phạt thu từ các đơn vị khác	498.436.546	4.167.911.178
Thu nhập khác	184.298.313	89.752.785
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.598.176.746</b>	<b>6.614.003.827</b>
Chi phí thuê đất phải nộp bổ sung	199.431.182	2.245.536.000
Các khoản phạt	886.248.673	4.012.635.900
Chi phí khác	512.496.891	355.831.927
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b><u>3.211.830.842</u></b>	<b><u>(1.957.248.952)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí vật tư và nhiên liệu	61.353.482.478	56.315.079.996
Chi phí hàng hóa	14.563.554.282	-
Chi phí nhân công	43.698.812.193	38.440.291.632
Chi phí khấu hao và hao mòn	16.798.728.867	16.571.321.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.816.045.618	463.849.514.771
Chi phí khác	6.824.933.080	5.761.302.628
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>503.055.556.518</u></b>	<b><u>580.667.655.150</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Ngoại trừ trường hợp của các công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang và Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 642041000006 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm thành lập (năm 2012) và được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo do Công ty được thành lập và hoạt động trong địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các quyết toán thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.443.988.699	4.366.685.223
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	401.907.405	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	103.311.331
	<b><u>3.845.896.104</u></b>	<b><u>4.469.996.554</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.413.987.911</b>	<b>16.272.616.578</b>
<b>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</b>		
Lợi nhuận đã chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận cố định	1.371.780.640	-
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	286.049.535	3.663.858.785
Các khoản phạt	452.801.064	-
Thu nhập của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	129.000.000	-
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	2.916.059.174	1.486.135.131
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>21.569.678.324</b>	<b>21.422.610.494</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(724.840.941)	(2.332.802.956)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>20.844.837.383</b>	<b>19.089.807.538</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>16.277.780.436</i>	<i>17.512.223.142</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi (5%)</i>	<i>4.826.783.958</i>	<i>2.763.196.878</i>
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>		
<i>Lỗ từ công ty mẹ và công ty con</i>	<i>(259.727.011)</i>	<i>(1.185.612.482)</i>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>3.443.988.699</b>	<b>4.366.685.223</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	1.816.379.605	11.859.521.436
Thuế TNDN nộp thừa đầu kỳ	(1.919.876.761)	(2.212.113.110)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	401.907.405	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(2.698.552.606)	(11.886.663.898)
<b>Thuế TNDN phải trả/(trả trước) cuối kỳ</b>	<b>1.043.846.342</b>	<b>2.127.429.651</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 17)	1.841.458.118	4.002.784.308
Thuế TNDN nộp thừa cuối kỳ (Thuyết minh số 17)	797.611.776	1.875.354.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	184.090.390	184.090.390	-	103.311.331
	<b>184.090.390</b>	<b>184.090.390</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			-	<b>103.311.331</b>

**29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty mẹ và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 6.316.635.936 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Được chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế ước tính (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
2011	2016	(570.561.213)	342.830.513	-	(227.730.700)
2012	2017	(1.001.853.028)	-	-	(1.001.853.028)
2013	2018	(1.010.877.480)	-	-	(1.010.877.480)
2014	2019	(1.042.220.040)	-	-	(1.042.220.040)
2015	2020	(3.156.238.105)	382.010.428	-	(2.774.227.677)
Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	2021	(209.148.506)	-	-	(209.148.506)
		<b>(6.990.898.372)</b>	<b>724.840.941</b>	-	<b>(6.266.057.431)</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty mẹ và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Công ty TNHH Mascon	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ vận tải Trả cổ tức bằng tiền	2.750.107.655 3.520.000.000	4.512.300.901 -	
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	Bên liên quan của cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ vận tải Trả cổ tức bằng tiền	167.295.253 400.000.000	311.317.151 -	
Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco	Công ty liên doanh	Góp vốn	10.978.000.000	-	

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Các khoản phải thu, phải trả đối với bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không chịu lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

**Công ty Cổ phần Vinafco**

B09a-

DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>					
Công ty TNHH Mascon	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ vận tải	728.277.480	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	Bên liên quan của cổ đông lớn	Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư (*) Cung cấp dịch vụ vận chuyển, làm thủ tục hải quan	94.400.000.000 61.682.738	94.400.000.000 181.203.862	
			<b>95.189.960.218</b>	<b>94.581.203.862</b>	

(\*) Khoản phải thu này được gia hạn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Các giao dịch với bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
1.641.611.793	1.404.203.233
<b>1.641.611.793</b>	<b>1.404.203.233</b>

Lương và thưởng

**TỔNG CỘNG**



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.689.649.737	5.993.795.095
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.034.401.945)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9.689.649.737</b>	<b>4.959.393.150</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.801.062	33.801.062
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>33.801.062</b>	<b>33.801.062</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	287	147
- <i>Lãi suy giảm</i>	287	147

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016 của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco tương ứng với tỷ lệ lợi nhuận thuộc về Công ty mẹ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 trên cả năm 2015. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- ▶ Kinh doanh hàng hóa thương mại, vận tải đường bộ, dịch vụ kho bãi; và
- ▶ Vận tải biển.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

#### Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh hàng hóa thương mại, vận tải đường bộ, dịch vụ kho bãi	Vận tải biển	Lợi trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	290.796.347.917	224.079.054.796	-	514.875.402.713
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	61.466.639.324	4.047.031.822	(65.513.671.146)	-
Giá vốn các bộ phận	268.505.809.306	209.556.592.733	-	478.062.402.039
<b>Kết quả</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận	22.290.538.611	14.522.462.063	-	36.813.000.674
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)				(20.399.012.763)
Lợi nhuận thuần trước thuế				16.413.987.911
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(3.845.896.104)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>				<b>12.568.091.807</b>
<b>Tài sản và công nợ</b>				
Tài sản bộ phận	341.949.580.330	263.496.220.971	-	605.445.801.301
Tài sản không phân bổ (*)				299.642.905.087
<b>Tổng tài sản</b>				<b>905.088.706.388</b>
Công nợ bộ phận	96.202.466.911	77.406.137.460	-	173.608.604.371
Công nợ không phân bổ (*)				243.006.033.727
<b>Tổng công nợ</b>				<b>416.614.638.098</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	86.089.891.766	3.862.493.000	-	89.952.384.766
Tài sản cố định hữu hình	85.909.891.766	3.862.493.000	-	89.772.384.766
Tài sản cố định vô hình	180.000.000	-	-	180.000.000
Khấu hao	8.677.385.505	7.438.803.442	-	16.116.188.947
Hao mòn	682.539.920	-	-	682.539.920



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

**Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh hàng hóa thương mại, vận tải đường bộ, dịch vụ kho bãi	Vận tải biển	Lợi trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	380.916.577.788	219.685.778.584	-	600.602.356.372
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	57.069.171.047	4.047.031.822	(61.116.202.869)	-
Giá vốn các bộ phận	367.841.990.563	192.447.717.161	-	560.289.707.724
<b>Kết quả</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận	13.074.587.225	27.238.061.423	-	40.312.648.648
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)				(24.040.032.070)
Lợi nhuận thuần trước thuế				16.272.616.578
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(4.469.996.554)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>				<b>11.802.620.024</b>
<b>Tài sản và công nợ</b>				
Tài sản bộ phận	282.847.850.088	163.126.662.872	-	445.974.512.960
Tài sản không phân bổ (*)				381.691.139.756
<b>Tổng tài sản</b>				<b>827.665.652.716</b>
Công nợ bộ phận	143.418.144.363	82.713.456.291	-	226.131.600.654
Công nợ không phân bổ (*)				108.521.075.579
<b>Tổng công nợ</b>				<b>334.652.676.233</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	2.936.633.689	55.500.000	-	2.992.133.689
Tài sản cố định hữu hình	2.936.633.689	55.500.000	-	2.992.133.689
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
Khấu hao	8.047.771.748	7.302.251.956	-	15.350.023.704
Hao mòn	1.215.048.006	6.250.011	-	1.221.298.017

(\*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

(\*\*) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. CÁC CAM KẾT

#### *Cam kết thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang thuê máy móc, thiết bị và thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	5.771.358.538	4.136.448.130
Trên 1 – 5 năm	15.868.168.056	9.661.756.272
Trên 5 năm	65.731.753.681	66.628.327.882
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>87.371.280.275</u></b>	<b><u>80.426.532.284</u></b>

#### *Cam kết về mua sắm và xây dựng*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các cam kết hợp đồng về mua sắm và xây dựng tài sản cố định giá trị khoảng 39 tỷ VND.

### 34. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Đã được trình bày trước đây</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Được trình bày lại</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	55.398.845.423	872.000.000	56.270.845.423
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	64.244.268.563	(872.000.000)	63.372.268.563
	<i>Đã được trình bày trước đây</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Được trình bày lại</i>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	1.702.981.438	(990.000.000)	712.981.438
Chi phí tài chính	(3.407.817.130)	990.000.000	(2.417.817.130)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

		
_____ Người lập Phạm Thị Khải	_____ Kế toán trưởng Lê Thị Minh Phương	_____ Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Minh Thuận

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

**About EY**

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit [ey.com](http://ey.com).

© 2016 Ernst & Young Vietnam Limited.  
All Rights Reserved.

[ey.com](http://ey.com)

